

Số: 400 /VCB.CBTT.TH&CDKT

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2014

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam

Mã chứng khoán: VCB

Địa chỉ trụ sở chính: 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04 3 934 3137

Fax: 04 3 938 7580

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Danh Lương

Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 04 3 934 3137

Fax: 04 3 938 7580

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

1. Nội dung thông tin công bố:

Ngày 25/12/2013, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam (VCB) nhận được Công văn số 445/KTNN-TH ngày 24/12/2013 của Kiểm toán Nhà nước (KTNN) về việc gửi Báo cáo kiểm toán năm 2012 cho VCB. Căn cứ trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 đã được điều chỉnh bởi KTNN, VCB điều chỉnh số liệu Báo cáo tài chính năm 2012 được kiểm toán độc lập và đã công bố như sau:

- Do KTNN chỉ điều chỉnh Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2012 nên:
 - ✓ VCB đã điều chỉnh lại toàn bộ số liệu Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng lẻ (Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất đã được KTNN điều chỉnh) theo Phụ lục đính kèm.
 - ✓ Trên cơ sở ảnh hưởng điều chỉnh đến Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng lẻ và hợp nhất, VCB đã điều chỉnh Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng lẻ và hợp nhất năm 2012 theo Phụ lục đính kèm.



- VCB đã điều chỉnh số liệu Báo cáo tài chính kiểm toán độc lập năm 2012 theo kiểm toán nhà nước vào số dư đầu kỳ Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2013. Đồng thời VCB đã điều chỉnh vào số dư đầu kỳ trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013. Các số liệu tài chính trên Báo cáo Quý 1; Quý 2; Quý 3/2013 giữ nguyên không thay đổi.
- Nguyên nhân chênh lệch:
 - + Đối với Bảng cân đối kế toán: KTNN đã điều chỉnh phân loại nợ và các khoản mục về tiền gửi khách hàng;
 - + Đối với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: KTNN điều chỉnh chi phí dự phòng và chi phí hoạt động khác của VCB.

2. Giải trình lý do chậm công bố thông tin

Nguyên nhân chậm công bố thông tin Báo cáo tài chính năm 2012 được điều chỉnh theo KTNN là do:

- Thời gian nhận được Báo cáo tài chính theo KTNN cũng là thời gian khóa sổ năm 2013 và số liệu của KTNN thực hiện điều chỉnh nhiều khoản mục trên sổ kế toán của các Chi nhánh trong hệ thống. Do đó, VCB đã phối hợp các đơn vị trong hệ thống cùng kiểm toán độc lập điều chỉnh khớp đúng số liệu;
- Báo cáo kiểm toán Nhà nước chỉ điều chỉnh Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2013 nên VCB phải hoàn thiện thêm Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, Bảng cân đối kế toán riêng lẻ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng lẻ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng lẻ của năm 2012.

VCB sẽ rút kinh nghiệm để công bố báo cáo kịp thời.

Thông tin này đã được công bố ngày 14/02/2014 tại trang thông tin điện tử của VCB theo địa chỉ website: www.vietcombank.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. *vev*

**Người đại diện theo pháp luật/
Người được ủy quyền công bố thông tin**



NGUYỄN DANH LƯƠNG

Nơi nhận:

- Như trên;
- TGD (để báo cáo);
- Lưu TH&CDKT, VP.

PHỤ LỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam
198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B02a/TCTD-HN
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-
NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

	31/12/2012 Triệu VNĐ (Số kiểm toán độc lập) (đã công bố)	31/12/2012 Triệu VNĐ (Số kiểm toán Nhà nước) (điều chỉnh lại)	Chênh lệch Triệu VNĐ
A TÀI SẢN			
I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5.627.307	5.627.307	-
II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	15.732.095	15.732.095	-
III Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác	65.712.726	65.712.726	-
1 Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	60.509.084	60.509.084	-
2 Cho vay các tổ chức tín dụng khác	5.320.515	5.320.515	-
3 Dự phòng rủi ro cho vay các tổ chức tín dụng khác	(116.873)	(116.873)	-
IV Chứng khoán kinh doanh	520.876	520.876	-
1 Chứng khoán kinh doanh	521.239	521.239	-
2 Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(363)	(363)	-
V Cho vay và ứng trước khách hàng	235.869.977	235.889.060	19.083
1 Cho vay khách hàng	241.162.675	241.167.308	4.633
2 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(5.292.698)	(5.278.248)	14.450
VI Chứng khoán đầu tư	78.521.304	78.521.304	-
1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	73.945.195	73.945.195	-
2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	4.843.173	4.843.173	-
3 Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(267.064)	(267.064)	-
VII Góp vốn, đầu tư dài hạn	3.020.788	3.020.788	-
1 Vốn góp liên doanh	719.266	719.266	-
2 Đầu tư vào công ty liên kết	13.966	13.966	-
3 Đầu tư dài hạn khác	2.324.794	2.324.794	-
4 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(37.238)	(37.238)	-
VIII Tài sản cố định	3.659.582	3.660.336	754
1 Tài sản cố định hữu hình	2.304.003	2.304.757	754
A Nguyên giá	5.471.618	5.472.412	794
B Hao mòn tài sản cố định	(3.167.615)	(3.167.655)	(40)
2 Tài sản cố định vô hình	1.355.579	1.355.579	-
A Nguyên giá	1.676.224	1.676.224	-
B Hao mòn tài sản cố định	(320.645)	(320.645)	-
IX Tài sản Có khác	5.810.418	5.803.825	(6.593)
1 Các khoản phải thu	1.566.149	1.566.355	206
2 Các khoản lãi, phí phải thu	3.436.613	3.429.045	(7.568)
3 Tài sản Có khác	807.656	808.425	769
TỔNG TÀI SẢN CÓ	414.475.073	414.488.317	13.244

PHỤ LỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam
198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B02a/TCTD-HN
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-
NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

	31/12/2012 Triệu VNĐ (Số kiểm toán độc lập) (đã công bố)	31/12/2012 Triệu VNĐ (Số kiểm toán Nhà nước) (điều chỉnh lại)	Chênh lệch Triệu VNĐ
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN Việt Nam		
	24.806.433	24.806.433	-
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác		
1	34.066.352	34.066.352	-
1	16.963.858	16.963.858	-
2	17.102.494	17.102.494	-
III	Tiền gửi của khách hàng		
	284.414.568	285.381.722	967.154
IV	Các công cụ phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		
	5.461	5.461	-
VI	Phát hành giấy tờ có giá		
	2.027.567	2.027.567	-
VII	Các khoản nợ khác		
	27.449.714	26.502.018	(947.696)
1	3.454.890	3.454.890	-
2	53.607	53.607	-
3	23.364.269	22.423.243	(941.027)
4	576.948	570.278	(6.670)
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	372.770.095	372.789.553
			19.458
VIII	Vốn và các quỹ		
1	32.420.728	32.420.728	-
a	23.174.171	23.174.171	-
b	9.201.397	9.201.397	-
c	45.160	45.160	-
2	2.793.880	2.793.880	-
3	121.228	121.228	-
4	72.800	72.800	-
5	6.144.427	6.138.214	(6.213)
a	3.058.026	3.058.026	-
b	3.086.401	3.080.188	(6.213)
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	41.553.063	41.546.850
			(6.213)
IX	Lợi ích của cổ đông thiểu số		
	151.915	151.915	-
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	414.475.073	414.488.317
			13.244

PHỤ LỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam
198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B02a/TCTD-HN
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-
NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

	31/12/2012 Triệu VNĐ (Số kiểm toán độc lập) (đã công bố)	31/12/2012 Triệu VNĐ (Số kiểm toán Nhà nước)	Chênh lệch Triệu VNĐ
I Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn			
1 Bảo lãnh vay vốn	19.400	19.400	-
2 Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	29.674.606	29.674.606	-
3 Bảo lãnh khác	17.353.819	17.353.819	-
II Các cam kết đưa ra			
1 Cam kết khác	364.982	364.982	-

PHỤ LỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam
198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm
tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B02a/TCTD-HN
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-
NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

	Năm kết thúc 31/12/2012 Triệu VNĐ (Số kiểm toán độc lập) (đã công bố)	Năm kết thúc 31/12/2012 Triệu VNĐ (Số kiểm toán Nhà nước) (điều chỉnh lại)	Chênh lệch Triệu VNĐ
1 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	31.746.997	31.733.995	(13.002)
2 Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	(20.792.904)	(20.792.943)	(39)
I Thu nhập lãi thuần	10.954.093	10.941.052	(13.041)
3 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	2.250.538	2.235.698	(14.840)
4 Chi phí từ hoạt động dịch vụ	(861.939)	(861.939)	-
II Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	1.388.599	1.373.759	(14.840)
III Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.487.751	1.487.751	-
IV Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	76.742	76.742	-
V Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	207.631	207.631	-
5 Thu nhập từ hoạt động khác	657.253	657.253	-
6 Chi phí hoạt động khác	(132.155)	(132.155)	-
VI Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động khác	525.098	525.098	-
VII Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	468.583	468.583	-
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG	15.108.497	15.080.616	(27.881)
VIII TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	(6.015.636)	(6.013.108)	2.528
IX Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	9.092.861	9.067.508	25.353
X Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(3.328.964)	(3.303.210)	25.754
XI TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	5.763.897	5.764.298	401
7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(1.336.691)	(1.343.305)	(6.614)
XII Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.336.691)	(1.343.305)	(6.614)
XIII LỢI NHUẬN SAU THUẾ	4.427.206	4.420.993	(6.213)
XIV Lợi ích của cổ đông thiểu số	(23.500)	(23.500)	-
XVI Lợi nhuận thuần trong kỳ	4.403.706	4.397.493	(6.213)
XV Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	1.626	1.623	3

PHỤ LỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam
198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm
tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B02a/TCTD-HN
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-
NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

	Năm kết thúc 31/12/2012 Triệu VNĐ (Số kiểm toán độc lập) (đã công bố)	Năm kết thúc 31/12/2012 Triệu VNĐ (Số kiểm toán Nhà nước) (điều chỉnh lại)	Chênh lệch Triệu VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	32.213.121	32.207.687	5.434
2 Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(20.289.702)	(20.289.741)	39
3 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	1.388.599	1.373.759	14.840
4 Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)	1.843.717	1.843.717	-
5 Thu nhập/Chi phí khác	(20.575)	(20.575)	-
6 Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý, xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	369.844	369.844	-
7 Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(5.551.206)	(5.548.678)	(2.528)
8 Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	(1.498.166)	(1.498.166)	-
Tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động	8.455.632	8.437.847	17.785
Tăng/(Giảm) về tài sản hoạt động			
9 Tiền, vàng gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	(2.259.835)	(2.259.835)	-
10 Các khoản về kinh doanh chứng khoán	(17.428.159)	(17.428.159)	-
11 Các khoản về cho vay khách hàng	(31.745.042)	(31.749.735)	4.693
12 Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản cho vay	(3.583.061)	(3.571.697)	(11.364)
13 Tài sản hoạt động khác	327.294	325.565	1.729
Tăng/(Giảm) về công nợ hoạt động			
14 Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	(10.602.746)	(10.602.746)	-
15 Các khoản tiền gửi tiền vay các tổ chức tín dụng	(13.896.022)	(13.896.022)	-
16 Các khoản tiền gửi của khách hàng	53.940.659	54.907.813	(967.154)
17 Các khoản phát hành giấy tờ có giá	(43.816)	(43.816)	-
18 Các khoản công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	(6.013)	(6.013)	-
19 Các khoản công nợ hoạt động	4.541.151	3.586.840	954.311
20 Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng	(452.113)	(452.113)	-
I Tiền thuần (sử dụng cho) hoạt động kinh doanh	(12.752.071)	(12.752.071)	-

PHỤ LỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam
198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm
tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B02a/TCTD-HN
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-
NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

	Năm kết thúc 31/12/2012 Triệu VNĐ (Số kiểm toán độc lập) (đã công bố)	Năm kết thúc 31/12/2012 Triệu VNĐ (Số kiểm toán Nhà nước) (điều chỉnh lại)	Chênh lệch Triệu VNĐ	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1	Mua sắm tài sản cố định	(1.630.359)	(1.630.359)	-
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	6.589	6.589	-
3	Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	(657)	(657)	-
4	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (góp vốn liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác)	(165.029)	(165.029)	-
5	Tiền thu đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	4.400	4.400	-
6	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn trong kỳ	396.778	396.778	-
7	Tiền thu từ cổ tức đã có quyết định trả cổ tức năm trước	-	-	-
II	Tiền thuần (sử dụng cho) hoạt động đầu tư	(1.388.278)	(1.388.278)	-
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1	Tăng vốn cổ phần từ phát hành cổ phiếu	3.338.869	3.338.869	-
2	Tăng thặng dư vốn cổ phần từ tiền phát hành cổ phiếu	8.342.702	8.342.702	-
3	Tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt	(2.363.765)	(2.363.765)	-
III	Tiền thuần từ hoạt động tài chính	9.317.806	9.317.806	-
IV	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(4.822.543)	(4.822.543)	-
V	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu kỳ	125.530.390	125.530.390	-
VI	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ (Thuyết minh 30)	120.707.847	120.707.847	-